

Số: 97/CBTT-BSGHN

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2022 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI

- Mã chứng khoán: BSH
- Địa chỉ: A2CN8 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Điện thoại liên hệ/Tel(+84).4. 3765 3338 Fax: (+84).4.3 765 3336
- Email: info@sabecohanoi.com.vn Website: www.sabecohanoi.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3;

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc):

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con):

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng):

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: .../.../2024 tại đường dẫn: <http://www.sabecohanoi.com.vn/tin-co-dong/thong-tin-co-dong.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 3/2023.
- Văn bản giải trình.

Đại diện tổ chức
NGƯỜI ĐƯỢC UỶ QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VƯƠNG THỪA ĐẠI

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Báo cáo tài chính quý 3 năm 2024



**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

0102314051
0102314051

ngày 6 tháng 7 năm 2007
ngày 29 tháng 4 năm 2022

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Du An
Ông Đoàn Tiên Dũng
Ông Đinh Văn Thuận
Bà Nguyễn Thị Bích Hà
Ông Lê Viết Quý

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Hiền
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp
Bà Nguyễn Thị Bích

Bà Nguyễn Thị Nga

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(đến ngày 23 tháng 4 năm 2024)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Lê Viết Quý
Ông Nguyễn Văn Biên
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Lô A2 CN8. Cụm Công nghiệp Từ Liêm
Phường Phương Canh
Quận Nam Từ Liêm
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		377.004.824.474	389.282.044.442
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	283.636.197.668	209.648.112.355
Tiền	111		16.536.197.668	10.848.112.355
Các khoản tương đương tiền	112		267.100.000.000	198.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	89.100.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	10.000.000.000	89.100.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.200.824.784	32.769.441.876
Phải thu của khách hàng	131	10	30.489.865.120	30.277.728.093
Trả trước cho người bán	132		1.123.957.643	360.451.991
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.587.002.021	2.131.261.792
Hàng tồn kho	140	11	49.245.021.292	55.866.140.202
Hàng tồn kho	141		58.967.775.903	65.657.929.305
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.722.754.611)	(9.791.789.103)
Tài sản ngắn hạn khác	150		922.780.730	1.898.350.009
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		830.054.790	1.852.822.827
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(a)	92.725.940	45.527.182
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		70.414.838.090	80.407.353.187
Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		66.258.873.398	76.572.711.795
Tài sản cố định hữu hình	221	12	66.192.005.848	76.572.711.795
Nguyên giá	222		712.401.253.793	711.902.235.793
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(646.209.247.945)	(635.329.523.998)
Tài sản cố định vô hình	227	13	66.867.550	-
Nguyên giá	228		1.488.873.741	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.422.006.191)	(1.411.941.589)
Tài sản dài hạn khác	260		4.145.964.692	3.824.641.392
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	2.152.186.959	1.819.907.921
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.993.777.733	2.004.733.471
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		447.419.662.564	469.689.397.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		128.781.730.948	164.611.271.984
Nợ ngắn hạn	310		128.535.596.898	164.379.393.734
Phải trả người bán	311	15	8.412.305.832	18.756.918.135
Người mua trả tiền trước	312		25.554.000	115.804.800
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16(b)	100.135.772.576	64.758.688.048
Phải trả người lao động	314		1.498.034.850	2.293.200.000
Chi phí phải trả	315		5.309.840.737	1.996.020.679
Phải trả khác	319	17	10.005.537.055	24.775.210.224
Vay ngắn hạn	320	18	-	47.600.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	3.148.551.848	4.083.551.848
Nợ dài hạn	330		246.134.050	231.878.250
Dự phòng phải trả dài hạn	342		246.134.050	231.878.250
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		318.637.931.616	305.078.125.645
Vốn chủ sở hữu	410	20	318.637.931.616	305.078.125.645
Vốn cổ phần	411	21	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98.511.674.506	84.951.868.535
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		68.213.092.620	57.570.590.582
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		30.298.581.886	27.381.277.953
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		447.419.662.564	469.689.397.629

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Yến Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng năm 2024

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III/2024	Quý III/2023	Lũy kế tại ngày 30/09/2024	Lũy kế tại ngày 30/09/2023
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	173.589.482.320	180.881.359.408	485.944.161.130	459.482.079.619
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	890.594.543	641.420.454	890.594.543	957.404.999
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 1 - 2)	10	25	172.698.887.777	180.239.938.954	485.053.566.587	458.524.674.620
4. Giá vốn hàng bán	11	26	154.298.751.900	163.156.293.856	435.023.960.053	409.573.100.319
5. Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		18.400.135.877	17.083.645.098	50.029.606.534	48.951.574.301
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.575.066.474	5.854.420.116	8.406.536.058	16.034.337.788
7. Chi phí tài chính	22		840.548	903.721.112	1.291.212.741	3.534.822.045
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		840.548	903.721.112	1.291.165.281	3.527.100.921
8. Chi phí bán hàng	25	28	761.911.774	1.139.763.794	2.033.329.702	1.874.296.126
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	3.967.794.482	4.687.611.265	12.776.984.313	13.724.694.038
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		16.244.655.547	16.206.969.043	42.334.615.836	45.852.099.880
11. Thu nhập khác	31		3.120.946	2.877.000	47.150.692	373.479.464
12. Chi phí khác	32		2.864.001	57.984.359	147.766.503	490.582.274
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		256.945	(55.107.359)	(100.615.811)	(117.102.810)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16.244.912.492	16.151.861.684	42.234.000.025	45.734.997.070
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	3.423.257.081	3.111.106.778	8.735.455.032	9.390.690.959
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	37.464.562	106.877.200	10.955.738	74.665.324
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.784.190.849	12.933.877.706	33.487.589.255	36.269.640.787

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Yến Ngọc

Bùi Thị Thanh Ngọc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm
2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày		
	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	42.234.000.025	45.734.997.070
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	10.889.788.549	11.006.776.581
Các khoản dự phòng	03	(54.778.692)	(373.326.622)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(8.400.543.768)	(15.994.882.470)
Chi phí lãi vay	06	1.291.212.741	3.527.100.921
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	45.959.678.855	43.900.665.480
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(871.361.526)	(5.397.567.188)
Biến động hàng tồn kho	10	6.690.153.402	12.837.277.195
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	25.461.108.845	58.080.044.011
Biến động chi phí trả trước	12	690.488.999	1.318.651.814
		77.930.068.575	110.739.071.312
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.335.030.823)	(3.598.076.804)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.700.000.000)	(5.302.556.597)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.748.775.915)	(3.426.395.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	70.146.261.837	98.412.042.703
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(748.450.152)	(4.502.739.000)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(285.300.000.000)	(336.800.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	26	364.400.000.000	324.300.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	8.965.823.628	12.627.704.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	87.317.373.476	(4.375.034.202)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

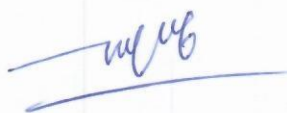
		Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
Mã Thuyết	số minh	30/9/2024	30/9/2023
		VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	277.562.051.408	474.058.486.983
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(325.162.051.408)	(530.850.219.860)
Tiền chi trả cổ tức	36	(35.875.550.000)	(18.032.775.000)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(83.475.550.000)	(74.824.507.877)
<hr/>			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	73.988.085.313	19.212.500.624
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	209.648.112.355	10.650.553.386
<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	283.636.197.668	29.863.054.010

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Người lập



Nguyễn Thị Yến Ngọc

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 27 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 374/QĐ-SGDHN ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là BSH.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; xuất, nhập khẩu bia, rượu, nước giải khát và các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia rượu, nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có 144 nhân viên (1/1/2024: 149 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tính thời vụ của hoạt động

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại bia. Các hoạt động khác là mua bán cồn, rượu và nước giải khát. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi tính thời vụ.

5. Thay đổi ước tính kế toán

Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã đưa ra một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính. Không có thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với ước tính trong báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc ước tính được lập trong cùng kỳ năm trước.

6. Thay đổi cơ cấu Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào về cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh rượu và nước giải khát. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động của Công ty, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	183.629.666	236.206.392
Tiền gửi ngân hàng	16.352.568.002	10.611.905.963
Các khoản tương đương tiền	267.100.000.000	198.800.000.000
	283.636.197.668	209.648.112.355

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4.6% đến 4.7%/năm (1/1/2024: các khoản tương đương tiền hưởng lãi suất 3.85% một năm)

9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất 3.1% một năm (1/1/2024: 3.9% đến 5.2% một năm).

10. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.451.899.866	30.154.831.787
Các khách hàng khác	37.965.254	122.896.306
	30.489.865.120	30.277.728.093

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	30.451.899.866	30.154.831.787

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/9/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	19.703.307	-
Nguyên vật liệu	21.292.457.097	-	17.472.607.382	-
Công cụ và dụng cụ	13.173.746.861	(9.722.754.611)	14.004.670.042	(9.791.789.103)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.685.400.158	-	16.718.558.459	-
Thành phẩm	7.814.073.542	-	17.441.204.630	-
Hàng hóa	2.098.245	-	1.185.485	-
	58.967.775.903	(9.722.754.611)	65.657.929.305	(9.791.789.103)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024 VND	30/9/2023 VND
Số dư đầu kỳ	9.791.789.103	10.051.187.428
Dự phòng trích lập trong kỳ	(69.034.492)	(370.091.163)
Số dư cuối kỳ	9.722.754.611	9.681.096.265

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 có 9.723 triệu VND (1/1/2024: 9.792 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	58.127.038.224	640.375.958.475	7.907.289.410	5.491.949.684	711.902.235.793
Tăng trong năm	-	499.018.000	-	-	499.018.000
Số dư cuối năm	58.127.038.224	640.874.976.475	7.907.289.410	5.491.949.684	712.401.253.793
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	32.821.007.725	590.324.522.157	6.956.105.563	5.227.888.553	635.329.523.998
Khấu hao trong năm	1.904.285.925	8.578.659.279	350.479.368	46.299.375	10.879.723.947
Số dư cuối năm	34.725.293.650	598.903.181.436	7.306.584.931	5.274.187.928	646.209.247.945
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	25.306.030.499	50.051.436.318	951.183.847	264.061.131	76.572.711.795
Số dư cuối năm	23.401.744.574	41.971.795.039	600.704.479	217.761.756	66.192.005.848

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 541.386 triệu VND (1/1/2024: 536.003 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.411.941.589
Tăng trong năm	76.932.152
Số dư cuối năm	1.488.873.741
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.411.941.589
Khấu hao trong năm	10.064.602
Số dư cuối năm	1.422.006.191
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	66.867.550

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 1.412 triệu VND (1/1/2024: 1.412 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	512.482.893	1.307.425.028	1.819.907.921
Tăng trong năm	922.750.000	567.299.247	1.490.049.247
Phân bổ trong năm	(468.344.440)	(689.425.769)	(1.157.770.209)
Số dư cuối năm	966.888.453	1.185.298.506	2.152.186.959

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.110.989.136	8.565.850.500
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Phước Thành IV	-	1.430.910.000
Công ty cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	-	1.953.780.662
Công Ty TNHH Liên Hạnh	1.080.478.800	-
Công ty CP đầu tư sản xuất năng lượng xanh	1.061.296.030	1.139.980.063
Các nhà cung cấp khác	3.159.541.866	5.666.396.910
	<hr/>	<hr/>
	8.412.305.832	18.756.918.135

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.110.989.136	8.565.850.500
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại Bia Sài Gòn	594.291.110	1.271.719.288
Công ty TNHH Một Thành viên Cơ Khí Sa Be Co	140.570.040	174.788.800
Công ty TNHH Một Thành viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	60.264.000	66.960.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	30/9/2024 VND
Thuế thu nhập cá nhân	45.527.182	1.129.001.495	(995.073.150)	88.401.163

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Đã nộp VND	Đã căn trừ VND	Phân loại lại VND	30/9/2024 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	55.201.014.267	492.165.293.698	(494.723.982.784)	-	-	52.642.325.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.708.149.718	8.735.455.032	(3.700.000.000)	-	-	7.743.604.750
Thuế giá trị gia tăng	6.849.524.063	97.604.732.704	(31.497.257.726)	(33.207.156.396)	-	39.749.842.645
Thuế xuất nhập khẩu	-	10.955.636	(10.955.636)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	58.281.089	(58.281.089)	-	-	-
	64.758.688.048	598.574.718.159	(529.990.477.235)	(33.207.156.396)	-	100.135.772.576

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả khác

	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả	248.900.000	18.124.450.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	9.130.900.000	6.164.900.000
Phải trả khác	625.737.055	485.860.224
	10.005.537.055	24.775.210.224

18. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		30/9/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	47.600.000.000	277.562.051.408	(325.162.051.408)	-
				-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/9/2024 VND	1/1/2024 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	VND	2.8%	-	47.600.000.000
			-	47.600.000.000

Các khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất thả nổi hàng năm của từng ngân hàng tại ngày giải ngân và được dùng để tài trợ cho vốn lưu động của Công ty.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	4.083.551.848	4.308.717.679
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	3.075.000.000	2.005.000.001
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(1.261.224.085)	(808.770.623)
Sử dụng trong kỳ	(2.748.775.915)	(3.426.395.208)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.148.551.848	2.078.551.849

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội
Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	74.861.193.874	294.987.450.984
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	49.391.277.953	49.391.277.953
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(4.010.000.000)	(4.010.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 (Thuyết minh 19)	-	-	-	808.770.623	808.770.623
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(99.373.915)	(99.373.915)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	84.951.868.535	305.078.125.645
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	33.487.589.255	33.487.589.255
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	-	(3.075.000.000)	(3.075.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 19)	-	-	-	1.261.224.085	1.261.224.085
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(114.007.369)	(114.007.369)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	98.511.674.506	318.637.931.616

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

22. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 cho các cổ đông là 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, trong đó đã tạm ứng cho các cổ đông là 18.000 triệu VND trong năm 2023 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: 36.000 triệu VND, tương đương 2.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.843.237.196	4.865.529.770
Từ hai đến năm năm	19.372.948.784	19.462.119.080
Sau năm năm	132.381.816.691	136.640.294.374
	<hr/>	<hr/>
	156.598.002.671	160.967.943.224
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/9/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	567,17	13.725.091	100,47	2.423.646
EUR	58,06	1.551.787	73,72	1.970.343
		<hr/>		<hr/>
		15.276.878		4.393.989
		<hr/>		<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	483.080.038.057	452.556.671.343
▪ Doanh thu khác	2.864.123.073	6.925.408.276
	<hr/>	<hr/>
	485.944.161.130	459.482.079.619
Trừ doanh thu được khấu trừ		
▪ Chiết khấu thương mại	890.594.543	957.404.999
	<hr/>	<hr/>
	485.053.566.587	458.524.674.620

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	434.783.382.981	409.725.376.610
▪ Giá vốn khác	309.611.564	217.814.872
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(69.034.492)	(370.091.163)
	<hr/>	<hr/>
	435.023.960.053	409.573.100.319

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.400.543.768	15.994.882.470
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.992.290	39.455.318
	<hr/>	<hr/>
	8.406.536.058	16.034.337.788

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	673.475.563	445.989.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.215.994.467	761.555.300
Chi phí công cụ, dụng cụ	72.575.001	496.793.060
Chi phí bán hàng khác	71.284.671	169.957.917
	<hr/>	<hr/>
	2.033.329.702	1.874.296.126

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2024	30/9/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.660.550.100	7.806.674.953
Chi phí khấu hao và phân bổ	254.873.069	236.808.468
Chi phí dụng cụ quản lý	724.674.663	758.385.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.455.160.676	3.740.485.555
Chi phí quản lý khác	681.725.805	1.182.339.104
	<hr/>	<hr/>
	12.776.984.313	13.724.694.038

Ngày 10 tháng 10 năm 2024

Người lập

Nguyễn Thị Yên Ngọc

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Ngọc

